



**HAI MINH**  
CORPORATION

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 35.128.668

FAX: (028) 35.128688

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 4 NĂM 2020**

**(MÃ CK: HMIH)**

TP.HCM, Ngày 28 tháng 01 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01a-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2020	Số dư 31/12/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>134.094.538.829</b>	<b>121.908.171.048</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>67.065.725.192</b>	<b>61.468.883.407</b>
1. Tiền	111		8.313.584.381	7.968.883.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.752.140.811	53.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>11.542.346.771</b>	<b>11.152.132.902</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	6.842.346.771	6.452.132.902
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	4.700.000.000	4.700.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>52.356.184.445</b>	<b>46.638.782.685</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.950.808.126	21.584.928.676
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	874.500.000	205.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	17.441.715.920	17.441.715.920
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	16.089.160.399	9.949.316.916
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.542.678.827)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>791.944.505</b>	<b>392.070.858</b>
Hàng tồn kho	141		791.944.505	392.070.858
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.338.337.916</b>	<b>2.256.301.196</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.219.773.923	1.771.882.128
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		732.973.319	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	385.590.674	484.419.068
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>132.907.364.656</b>	<b>129.121.342.133</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	55.000.000	55.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.484.241.619</b>	<b>118.653.620.739</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	88.707.297.698	96.300.356.046
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>181.944.253.225</i>	<i>184.443.516.606</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(93.236.955.527)</i>	<i>(88.143.160.560)</i>
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.776.943.921	22.353.264.693
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>24.058.532.693</i>	<i>24.058.532.693</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(2.281.588.772)</i>	<i>(1.705.268.000)</i>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19.079.929.677</b>	<b>208.363.636</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	19.079.929.677	208.363.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>5.784.016.819</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	-	5.784.016.819
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.288.193.360</b>	<b>4.420.340.939</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	3.042.056.112	4.214.948.744
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		246.137.248	205.392.195
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>267.001.903.485</b>	<b>251.029.513.181</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2020	Số dư 31/12/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.186.807.838</b>	<b>16.548.597.309</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.873.679.838</b>	<b>16.209.869.309</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	10.352.944.558	10.675.726.822
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.773.980.448	2.113.976.903
3. Phải trả người lao động	314		1.718.036.790	1.994.190.207
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		108.458.754	384.866.884
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	14.554.967.770	798.081.678
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	365.291.518	243.026.815
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>313.128.000</b>	<b>338.728.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	313.128.000	338.728.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>236.815.095.647</b>	<b>234.480.915.872</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>236.815.095.647</b>	<b>234.480.915.872</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.745.703.936
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.174.028.956	92.873.276.332
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>78.231.735.521</i>	<i>81.081.827.167</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>16.942.293.435</i>	<i>11.791.449.165</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.397.497.184	1.364.070.033
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>267.001.903.485</b>	<b>251.029.513.181</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021



NGUYỄN THẾ HÙNG  
Tổng Giám đốc

  
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  
Kế toán trưởng

  
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2020

(Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2019)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2020		Quý IV năm 2019		Năm 2020	Năm 2019	MÃU B02a-DN Đơn vị tính: VND
			Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Năm 2020	Năm 2019			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		24.662.316.507	32.466.835.776	100.402.470.299	124.204.084.108			
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	24.662.316.507	32.466.835.776	100.402.470.299	124.204.084.108			
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	20.177.634.768	26.355.944.784	86.339.181.856	105.079.278.207			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.484.681.739	6.110.890.992	14.063.288.443	19.124.805.901			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.577.680.379	1.939.128.674	13.825.519.065	6.605.859.066			
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	978.417.213	2.299.588.916	1.983.199.234	2.865.002.197			
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.014.922	22.793.905	20.217.948	20.216.352			
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-			
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.829.390.098	2.378.905.478	7.350.824.953	8.841.076.933			
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.254.554.807	3.371.525.272	18.554.783.321	14.024.585.837			
12. Thu nhập khác	31		43.347.237	250.404.376	858.797.815	446.415.310			
13. Chi phí khác	32		128.942.850	353.345.986	146.485.088	578.134.355			
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	(85.595.613)	(102.941.610)	712.312.727	(131.719.045)			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.168.959.194	3.268.583.662	19.267.096.048	13.892.866.792			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.160.693.779	470.508.700	2.321.635.845	1.948.329.211			
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		28.642.143	17.054.549	(40.745.052)	48.773.747			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.979.623.272	2.781.020.413	16.986.205.255	11.895.763.834			
<i>Trong đó:</i>									
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.968.826.500	2.753.873.038	16.942.293.435	11.791.449.165			
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10.796.772	27.147.375	43.911.820	104.314.669			
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	605	208	1.187	841			
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	605	208	1.187	841			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021



NGUYỄN THỊ BÍCH HƯNG

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
 Quý IV năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2020

(Có so sánh với số liệu quý IV năm 2019)

Mẫu B 03a-DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.267.096.048	13.892.866.792
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.698.715.835	9.969.201.997
- Các khoản dự phòng	03		-	806.017.503
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.011.787.631)	(5.942.306.511)
- Chi phí lãi vay	06		20.217.948	223.257.537
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.974.242.200	18.949.037.318
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(5.997.451.888)	(5.169.991.431)
- Tăng hàng tồn kho	10		(399.873.647)	239.442.762
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(327.026.277)	4.174.302.464
- Tăng chi phí trả trước	12		1.725.000.837	(415.521.094)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(390.213.869)	4.336.829.674
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.217.948)	(223.257.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.319.589.370)	(2.530.317.953)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.646.452.297)	(1.910.200.772)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>8.598.417.741</b>	<b>17.450.323.431</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(20.689.246.861)	(2.988.959.807)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.648.252.753	1.741.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.700.000.000)	(25.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29.700.000.000	31.403.589.290
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.466.090.284	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.574.965.668	6.197.790.005
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(2.999.938.156)</b>	<b>10.653.692.216</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32		-	(585.040.630)
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	18.185.185.539
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(19.006.966.069)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.637.800)	(23.168.031.430)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(1.637.800)</b>	<b>(24.574.852.590)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>5.596.841.785</b>	<b>3.529.163.057</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		<b>61.468.883.407</b>	<b>57.939.720.350</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70		<b>67.065.725.192</b>	<b>61.468.883.407</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

MẪU B09a-DN

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:*

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

## Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
  - Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
  - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 35128 668
- Fax : 028 35128 688
- Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

## 3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## 5. Cấu trúc Công ty

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

#### Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

#### 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 129 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 147 người).

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 19 của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3. Công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu

##### ***Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

#### **4. Ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **6. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

## **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### **7. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

### **8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 – 10

#### **10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

##### ***Quyền sử dụng đất***

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### ***Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản***

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **12. Chi phí trả trước**

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

## **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

### **14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

#### ***Cơ cấu vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **Phân phối lợi nhuận thuần**

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

## 15. Doanh thu

### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## ***Lãi tiền gửi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **16. Chi phí**

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## **18. Lãi trên cổ phiếu**

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*



# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### 19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	879.301.737	2.619.938.441
Tiền gửi ngân hàng	5.646.282.644	5.348.944.966
Tiền đang chuyển	1.788.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	58.752.140.811	53.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.065.725.192</b>	<b>61.468.883.407</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,9%/năm đến 5,9%/năm (năm 2019: 5,1%/năm đến 5,5%/năm).

#### 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

##### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

##### a) Chứng khoán kinh doanh

##### Đầu tư mua cổ phiếu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty cổ phần Chứng khoán MB	-	-	-	737.289.000	737.289.000	-
- Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (TCM)	98.771	98.771	-	1.904.009.501	1.904.009.501	-
- Công Ty Tài Chính Cổ Phần Điện Lực (EVF)	-	-	-	1.384.032.650	1.384.032.650	-
- Ngân hàng TM CP Á Châu	3.610.407.500	3.610.407.500	-	-	-	-
- Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín	2.498.742.500	2.498.742.500	-	-	-	-
- Các mã chứng khoán khác	733.098.000	733.098.000	-	2.426.801.751	2.426.801.751	-
<b>Cộng</b>	<b>6.842.346.771</b>	<b>6.842.346.771</b>	-	<b>6.452.132.902</b>	<b>6.452.132.902</b>	-

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	4.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9% đến 7,0% /năm (năm 2019: từ 6,6% đến 7,8%).

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty cổ phần tiếp vận Phước Tạo	766.100.000	148.400.000
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	-	2.508.043.759
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	5.528.948.237	3.628.559.921
Công ty TNHH Giấy Lee&man Việt Nam	-	1.231.736.000
Các khách hàng khác	11.655.759.889	14.068.188.996
<b>Cộng</b>	<b>17.950.808.126</b>	<b>21.584.928.676</b>

#### 4. Trả trước người bán

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH xe nâng Mico Hyster	873.840.000	-
Khách hàng khác	660.000	205.500.000
<b>Cộng</b>	<b>874.500.000</b>	<b>205.500.000</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc (*)	17.441.715.920	17.441.715.920
<b>Cộng</b>	<b>17.441.715.920</b>	<b>17.441.715.920</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(\*) Cho Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, theo hợp đồng ngày 21 tháng 11 Năm 2018 và gia hạn thêm đến ngày 21 tháng 11 năm 2021 kèm theo quyền mua căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 6. Phải thu khác

<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>16.089.160.399</b>	<b>9.949.316.916</b>
BHXH, YT, TN	10.904.748	5.604.665
Tạm ứng nhân viên	237.558.205	578.823.579
Ký cược, ký quỹ	5.081.000.000	4.081.000.000
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	2.000.000.000	-
Công ty TNHH TM DV Ô tô Tây Sài Gòn	3.500.000.000	-
Lãi dự thu	60.493.151	142.191.441
Công ty cổ phần Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	1.658.861.486	1.654.799.718
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.540.342.809	3.486.897.513
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>	<b>55.000.000</b>	<b>55.000.000</b>
Đặt cọc tiền thuê kho bãi và dịch vụ khác	55.000.000	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.144.160.399</b>	<b>10.004.316.916</b>

### 7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	400.318.650	-	108.539.964	-
Công cụ, dụng cụ	144.094.000	-	12.231.818	-
Hàng hóa	247.531.855	-	271.299.076	-
<b>Cộng</b>	<b>791.944.505</b>	<b>-</b>	<b>392.070.858</b>	<b>-</b>

### 8. Chi phí trả trước

	01/01/2020	Phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	31/12/2020
	a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.771.882.128	4.981.248.903	5.533.357.108
b) Chi phí trả trước dài hạn	4.214.948.744	2.596.877.445	3.769.770.077	3.042.056.112
<b>Cộng</b>	<b>5.986.830.872</b>	<b>7.578.126.348</b>	<b>9.303.127.185</b>	<b>4.261.830.035</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
01/01/2020	96.668.828.862	1.205.020.774	80.349.715.798	5.424.850.945	795.100.227	184.443.516.606
Tăng trong năm	688.081.000	-	1.129.599.820	-	-	1.817.680.820
Giảm trong năm	-	-	4.316.944.201	-	-	4.316.944.201
<b>31/12/2020</b>	<b>97.356.909.862</b>	<b>1.205.020.774</b>	<b>77.162.371.417</b>	<b>5.424.850.945</b>	<b>795.100.227</b>	<b>181.944.253.225</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
01/01/2020	32.579.619.868	244.487.376	51.961.855.015	2.936.695.567	420.502.734	88.143.160.560
Tăng trong năm	2.814.397.045	104.601.384	4.627.877.438	496.009.152	79.510.044	8.122.395.063
Giảm trong năm	-	-	3.028.600.096	-	-	3.028.600.096
<b>31/12/2020</b>	<b>35.394.016.913</b>	<b>349.088.760</b>	<b>53.561.132.357</b>	<b>3.432.704.719</b>	<b>500.012.778</b>	<b>93.236.955.527</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
01/01/2020	64.089.208.994	960.533.398	28.387.860.783	2.488.155.378	374.597.493	96.300.356.046
<b>31/12/2020</b>	<b>61.962.892.949</b>	<b>855.932.014</b>	<b>23.601.239.060</b>	<b>1.992.146.226</b>	<b>295.087.449</b>	<b>88.707.297.698</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 41.703.541.617 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 43.292.348.729 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
01/01/2020	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>31/12/2020</b>	<b>24.058.532.693</b>	<b>24.058.532.693</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
01/01/2020	1.705.268.000	1.705.268.000
Tăng trong năm	576.320.772	576.320.772
Giảm trong năm	-	-
<b>31/12/2020</b>	<b>2.281.588.772</b>	<b>2.281.588.772</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
01/01/2020	22.353.264.693	22.353.264.693
<b>31/12/2020</b>	<b>21.776.943.921</b>	<b>21.776.943.921</b>

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Công trình dự án kho mới Nam Phát	13.316.421.095	14.000.000
Đầu tư khác	5.569.144.946	-
<b>Cộng</b>	<b>19.079.929.677</b>	<b>208.363.636</b>

### 12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.784.016.819
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.784.016.819</b>

(\*) Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với 618.500 cổ phiếu và đã thanh lý khoản đầu tư trong năm 2020.

### 13. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.644.162.419	2.644.162.419	3.253.665.377	3.253.665.377
Khách hàng khác	7.708.782.139	7.708.782.139	7.422.061.445	7.422.061.445
<b>Cộng</b>	<b>10.352.944.558</b>	<b>10.352.944.558</b>	<b>10.675.726.822</b>	<b>10.675.726.822</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2020
<b>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước</b>	<b>199.634.117</b>	<b>3.750.293.576</b>	<b>3.569.979.066</b>	<b>379.948.627</b>
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(280.162.927)	2.282.780.551	2.085.280.238	(82.662.614)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	479.797.044	1.467.513.025	1.484.698.828	462.611.241
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>952.363.743</b>	<b>2.321.635.845</b>	<b>1.319.589.370</b>	<b>1.954.410.218</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	(73.813.726)	204.150.931	293.411.901	(163.074.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	1.026.177.469	2.117.484.914	1.026.177.469	2.117.484.914
<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>396.862.894</b>	<b>386.639.101</b>	<b>904.136.965</b>	<b>(120.634.970)</b>
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(127.971.815)	79.943.828	89.354.776	(137.382.763)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	524.834.709	306.695.273	814.782.189	16.747.793
<b>Các loại thuế khác</b>	<b>80.697.081</b>	<b>2.942.277.932</b>	<b>2.848.309.114</b>	<b>174.665.899</b>
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	(2.470.600)	2.012.135.291	2.012.135.292	(2.470.601)
<i>Thuế phải thu</i>	<i>(2.470.600)</i>	-	<i>1</i>	<i>(2.470.601)</i>
<i>Thuế phải nộp</i>	-	<i>2,012,135,291</i>	<i>2,012,135,291</i>	-
Thuế nhà thầu	83.167.681	917.142.641	823.173.822	177.136.500
<i>Thuế phải thu</i>	<i>83.167.681</i>	<i>917.142.641</i>	<i>823.173.822</i>	<i>177.136.500</i>
<i>Thuế phải nộp</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.629.557.835</b>	<b>9.400.846.454</b>	<b>8.642.014.515</b>	<b>2.388.389.774</b>
<b><i>Trình bày:</i></b>				
Thuế phải thu	484.419.068			385.590.674
Thuế phải nộp	2.113.976.903			2.773.980.448

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 15. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>14.554.967.770</b>	<b>798.081.678</b>
Kinh phí công đoàn	118.997.560	62.970.500
BHXH	4.852.440	-
BHYT	4.320.590	1.932.051
BHTN	47.125	7.244.704
Cổ tức hải trả	12.873.386.865	27.377.665
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	113.504.148	118.504.148
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.439.859.042	580.052.610
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>	<b>313.128.000</b>	<b>338.728.000</b>
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	-	30.000.000
Công ty TNHH Milensea - Ký quỹ thuê văn phòng	283.128.000	283.128.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	30.000.000	25.600.000
<b>Cộng</b>	<b>14.868.095.770</b>	<b>1.136.809.678</b>

### 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Tăng do trích lập			31/12/2020
	01/01/2020	từ lợi nhuận	Chi trong năm	
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	129.677.032	1.179.145.000	(1.013.767.366)	295.054.666
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	113.349.783	589.572.000	(632.684.931)	70.236.852
<b>Cộng</b>	<b>243.026.815</b>	<b>1.768.717.000</b>	<b>(1.646.452.297)</b>	<b>365.291.518</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư 01/01/2019</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.893.984.271</b>	<b>(3.809.548.070)</b>	<b>6.745.703.936</b>	<b>105.949.105.106</b>	<b>1.345.228.624</b>	<b>248.122.943.867</b>
Lợi nhuận năm 2019	-	-	-	-	11.791.449.165	104.314.669	11.895.763.834
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(585.040.630)	-	-	-	(585.040.630)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.700.991.000)	-	(1.700.991.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.174.404.600)	(77.355.599)	(23.251.760.199)
Tặng khác	-	-	-	-	8.117.661	-	8.117.661
Giảm khác	-	-	-	-	-	(8.117.661)	(8.117.661)
<b>Số 31/12/2019</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.893.984.271</b>	<b>(4.394.588.700)</b>	<b>6.745.703.936</b>	<b>92.873.276.332</b>	<b>1.364.070.033</b>	<b>234.480.915.872</b>
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.893.984.271</b>	<b>(4.394.588.700)</b>	<b>6.745.703.936</b>	<b>92.873.276.332</b>	<b>1.364.070.033</b>	<b>234.480.915.872</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-	93.830.000	93.830.000
Lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	16.942.293.435	43.911.820	16.986.205.255
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.768.717.000)	-	(1.768.717.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.847.647.000)	(93.830.000)	(12.941.477.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(25.176.811)	(10.484.669)	(35.661.480)
<b>Số dư 31/12/2020</b>	<b>131.998.470.000</b>	<b>5.893.984.271</b>	<b>(4.394.588.700)</b>	<b>6.745.703.936</b>	<b>95.174.028.956</b>	<b>1.397.497.184</b>	<b>236.815.095.647</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### Cổ phiếu

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>352.200</i>	<i>352.200</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.847.647</i>	<i>12.847.647</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

### 18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

#### Ngoại tệ các loại

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Đô la Mỹ	USD	37.728,54	28.831,63

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý IV năm 2020</u>	<u>Quý IV năm 2019</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
<b>Tổng doanh thu</b>				
Dịch vụ vận tải	10.259.340.207	12.823.225.009	40.504.778.455	47.245.515.007
Dịch vụ khai thác kho bãi	8.704.874.025	12.888.679.147	37.050.310.559	48.712.845.577
Dịch vụ đại lý container	3.143.466.891	3.252.456.970	11.217.990.750	10.577.480.702
Cho thuê văn phòng	880.759.394	884.070.617	3.862.843.097	3.646.429.445
Doanh thu bán hàng hóa	1.673.875.990	2.618.404.033	7.766.547.438	14.021.813.377
<b>Cộng</b>	<b><u>24.662.316.507</u></b>	<b><u>32.466.835.776</u></b>	<b><u>100.402.470.299</u></b>	<b><u>124.204.084.108</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Dịch vụ vận tải	9.070.632.703	11.718.644.325	38.872.106.603	45.491.320.830
Dịch vụ khai thác kho bãi	7.344.476.769	9.909.039.105	31.507.367.105	37.887.560.590
Dịch vụ đại lý container	1.606.563.820	1.675.493.785	6.120.111.032	6.257.729.445
Cho thuê văn phòng	550.707.402	500.430.234	2.302.159.407	1.995.942.049
Giá vốn bán hàng hóa	1.605.254.074	2.552.337.335	7.537.437.709	13.446.725.293
<b>Cộng</b>	<b><u>20.177.634.768</u></b>	<b><u>26.355.944.784</u></b>	<b><u>86.339.181.856</u></b>	<b><u>105.079.278.207</u></b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay vốn	2.274.556.739	1.773.430.609	6.901.305.518	4.861.516.784
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.682.073.465	-	3.300.573.465	927.750.000
Hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.612.570.602	145.287.293	3.543.537.160	730.175.469
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.479.573	20.410.772	80.102.922	86.416.813
<b>Cộng</b>	<b>7.577.680.379</b>	<b>1.939.128.674</b>	<b>13.825.519.065</b>	<b>6.605.859.066</b>

## 4. Chi phí tài chính

Hoạt động kinh doanh chứng khoán	962.138.896	2.271.266.263	1.883.226.147	2.629.058.714
Lãi Margin chứng khoán	3.014.922	22.793.905	20.217.948	223.257.537
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.263.395	5.528.748	79.755.139	12.685.946
<b>Cộng</b>	<b>978.417.213</b>	<b>2.299.588.916</b>	<b>1.983.199.234</b>	<b>2.865.002.197</b>

## 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.202.361.545	1.234.375.215	4.899.837.363	4.989.757.647
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	104.360.304	129.873.669	399.623.405	521.028.759
Chi phí dụng cụ quản lý	19.632.976	32.292.436	69.491.676	97.505.411
Chi phí khấu hao	74.232.087	78.498.753	296.928.348	381.107.259
Thuế phí và lệ phí	17.304.726	17.396.739	83.828.070	77.624.529
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	-	349.404.378	-	806.017.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	324.137.977	380.673.200	1.244.960.393	1.418.967.568
Chi phí bằng tiền khác	87.360.483	156.391.088	356.155.698	549.068.257
<b>Cộng</b>	<b>1.829.390.098</b>	<b>2.378.905.478</b>	<b>7.350.824.953</b>	<b>8.841.076.933</b>

## 6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	9.710.799	22.706.820	809.108.652	194.058.094
Thu nhập khác	33.636.438	227.697.556	49.689.163	252.357.216
<b>Cộng</b>	<b>43.347.237</b>	<b>250.404.376</b>	<b>858.797.815</b>	<b>446.415.310</b>
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	56.475.432	-	132.627.458
Phạt vi phạm hành chính	661.090	14.000.000	11.115.464	-
Chi phí khác	128.281.760	282.870.554	135.369.624	445.506.897

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>Cộng</b>	<b>128.942.850</b>	<b>353.345.986</b>	<b>146.485.088</b>	<b>578.134.355</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b>(85.595.613)</b>	<b>(102.941.610)</b>	<b>712.312.727</b>	<b>(131.719.045)</b>

### 7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.267.096.048</b>	<b>13.892.866.792</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:</b>	<b>(816.019.599)</b>	<b>(1.102.546.194)</b>
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	38.416.204
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(816.019.599)	(1.140.962.398)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.451.076.449</b>	<b>12.790.320.598</b>
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng</b>	<b>3.690.215.290</b>	<b>2.558.064.118</b>
<b>Ưu đãi thuế</b>	<b>(1.368.579.445)</b>	<b>(609.734.907)</b>
Nghị quyết 116/2020/QH14 giảm 30%	(994.986.790)	-
Ưu đãi khác	(373.592.655)	(609.734.907)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.321.635.845</b>	<b>1.948.329.211</b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Công ty và các Công ty con được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Riêng Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng các ưu đãi đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế cụ thể như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.
- Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>7.968.826.500</b>	<b>2.753.873.038</b>	<b>16.942.293.435</b>	<b>11.791.449.165</b>
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(199.220.663)	(68.846.826)	(1.694.229.344)	(707.486.950)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>7.769.605.837</b>	<b>2.685.026.212</b>	<b>15.248.064.091</b>	<b>11.083.962.215</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.847.647	12.908.447	12.847.647	13.176.181
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>605</b>	<b>208</b>	<b>1.187</b>	<b>841</b>
<b>9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>				
	<b>Quý IV năm 2020</b>	<b>Quý IV năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>7.769.605.837</b>	<b>2.685.026.212</b>	<b>15.248.064.091</b>	<b>11.083.962.215</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>7.769.605.837</b>	<b>2.685.026.212</b>	<b>15.248.064.091</b>	<b>11.083.962.215</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.847.647	12.908.447	12.847.647	13.176.181
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>	<b>12.847.647</b>	<b>12.908.447</b>	<b>12.847.647</b>	<b>13.176.181</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>605</b>	<b>208</b>	<b>1.187</b>	<b>841</b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2020

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Quý IV năm 2020	Quý IV năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên vật liệu. vật liệu	7.237.096.420	6.819.394.585	20.668.061.042	28.211.392.850
Chi phí nhân viên	5.535.790.324	6.217.097.976	23.443.354.162	24.421.776.824
Chi phí khấu hao	2.099.724.744	2.240.005.628	8.698.715.834	9.974.106.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.727.782.883	13.214.766.187	39.947.597.598	50.534.454.033
Chi phí bằng tiền khác	406.630.495	243.585.886	932.278.173	778.625.269
<b>Cộng</b>	<b>22.007.024.866</b>	<b>28.734.850.262</b>	<b>93.690.006.809</b>	<b>113.920.355.140</b>

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2021



NGUYỄN THẾ HUNG  
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU  
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất